TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ - ST
Ngày 27/11/2024
V/v: Không công nhận là vợ chồng, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Thủy
2. Ông Dương Trung Lợi

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Bá Đạt- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2024 về không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Giàng A M, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái.
Bị đơn: Bà Mùa Thị D, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái.
Các đương sự vắng mặt, đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản lấy lời khai ông Giàng A M trình bày: Ông và bà Mùa Thị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 không đăng ký kết hôn. C sống với nhau đến 15/3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp thường cãi vã nhiều lần, không chung chí hướng dẫn đến chung sống không hạnh phúc, thường cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải nhưng không được, từ tháng 3/2021 đến nay ông M và bà D sống ly thân. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mùa Thị D.

Về con chung: Ông bà có 06 con chung là Giàng A T, sinh ngày 17/12/1996; Giàng Thị P, sinh ngày 12/6/1997; Giàng Thị P1, sinh ngày 01/01/1998; Giàng Thị

M1, sinh ngày 13/12/2001; Giàng A C1, sinh ngày 08/01/2003; Giàng Thị P2, sinh ngày 01/5/2015, các con chung đã trưởng thành chỉ còn cháu Giàng Thị P2 là con chưa thành niên. Sau ly hôn bà D là người trực tiếp nuôi con Giàng Thị P2, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong đơn khởi kiện và bản lấy lời khai bà Mùa Thị D trình bày: Việc chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn phát sinh đúng như ông M trình bày, bà và ông M chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục về sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Nay ông M đề nghị ly hôn, không công nhận là vợ chồng bà cũng nhất trí.

Về con chung: Ông bà có 06 con chung là Giàng A T, sinh ngày 17/12/1996; Giàng Thị P, sinh ngày 12/6/1997; Giàng Thị P1, sinh ngày 01/01/1998; Giàng Thị M1, sinh ngày 13/12/2001; Giàng A C1, sinh ngày 08/01/2003; Giàng Thị P2, sinh ngày 01/5/2015, các con chung khác đã trưởng thành chỉ còn cháu Giàng Thị P2 là con chưa thành niên. Sau ly hôn bà D là người trực tiếp nuôi con Giàng Thị P2, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 95 ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện V đã xác nhận ông Giàng A M và bà Mùa Thị D chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến 04/10/2024 tại thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Con chung Giàng Thị P2 có nguyện vọng được ở với mẹ Mùa Thị D.

Tại biên bản hòa giải về con chung ngày 15/11/2024 ông M, bà D thỏa thuận bà D là người trực tiếp nuôi con Giàng Thị P2, sinh ngày 01/5/2015, ông M không phải cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án tuyên bố ông Giàng A M và bà Mùa Thị D không phải là vợ chồng. Về con chung: công nhận thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Giàng Thị P2 cho bà Mùa Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Mùa Thị D là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn

Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, các đương sự đều có đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Giàng A M và bà Mùa Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 tại Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã S xác nhận ông Giàng A M và bà Mùa Thị D không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc sống chung như vợ chồng của ông M và bà D không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, yêu cầu của ông Giàng A M được Hội đồng xét xử chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Giàng A M và bà Mùa Thị D.

[4] Về con chung: ông M và bà D có 06 con chung là Giàng A T, sinh ngày 17/12/1996; Giàng Thị P, sinh ngày 12/6/1997; Giàng Thị P1, sinh ngày 01/01/1998; Giàng Thị M1, sinh ngày 13/12/2001; Giàng A C1, sinh ngày 08/01/2003; Giàng Thị P2, sinh ngày 01/5/2015. Trong số các con chung chỉ có cháu Giàng Thị P2 là con chưa thành niên, các con chung còn lại đều đã trưởng thành. Hiện cháu P2 đang sống chung với bà D và cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ. Ông M, bà D thống nhất thỏa thuận để cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Giàng Thị P2, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được công nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Giàng A M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Giàng A M và bà Mùa Thị D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Giàng A M và bà Mùa Thị D: Giao cho bà Mùa Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Giàng Thị P2, sinh ngày 01/5/2015, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Giàng A M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2024/0000813 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, ông M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Giàng A M, bà Mùa Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- UBND xã Suối Giàng;
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh